TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Lý

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 21//01/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý sau khi sáp nhập huyện Y vào thành phố B (theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025) số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2025 về việc việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang (số thụ lý cũ: 237/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng trước khi sáp nhập) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang

(Có đơn xin vắng mặt)

- ***Bị đơn***: Chị Trần Thị X, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024 và ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị X đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh cùng gia đình hai bên đã dàn xếp, hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng không đạt được kết quả. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 9/2024 anh chuyển ra ngoài sinh sống. kể từ đó hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đó lo, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Trần Thị X.

Về con chung: Anh và chị X có 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/11/2005, Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007, Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012, ly hôn anh đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Anh Đ, Nguyễn Trần H1 cho chị X nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Thị Như Q đã trưởng thành, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị X tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

+ Quá trình tố tụng tại Toà án, chị Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký hết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ngoại tình nên từ đó không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, bản thân chị cùng với hai bên gia đình cố gắng hoà giải để vợ chồng cùng tìm được tiếng nói chung nhưng không thành. Khoảng tháng 9/2024 anh H chuyển đi đâu sinh sống chị cũng không biết. Mặc dù vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, nhưng nay anh H xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn với anh H

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/11/2005, Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007, Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì chị đề nghị Toà án giao cháu Đ và cháu H1 cho chị nuôi dưỡng, chăm xóc, còn cháu Q đã trưởng thành, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chị với anh H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

+ Tại Đơn đề nghị đề ngày 27/12/2024, cháu Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007; Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012 đều trình bày: Nếu bố mẹ

không sinh sống cùng với nhau nữa thì mong muốn của hai cháu là được ở với mẹ.

+ Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2024 đại diện chính quyền địa phương thôn Y, xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang, ông Nguyễn Văn T cung cấp: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị X đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Năm 2020, Anh H chị X chuyển đến sinh sống tại thôn Y, xã Y, huyện Y. Anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc, làm ăn ổn định đến khoảng tháng 9/2024 anh H và chị X xảy ra mâu thuẫn nên anh H chuyển ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung: Anh H và chị X có 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 2005; Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 2007; Nguyễn Trần H1, sinh năm 2012.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, bị đơn chị Trần Thị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H và xử cho anh H được ly hôn chị Trần Thị X. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/11/2005 đã trưởng thành nên vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao cháu cháu cháu Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007; Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Y (nay là thành phố B). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, bị đơn chị Trần Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị X kết hôn ngày 10/8/2004 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh H và chị X là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 9/2004 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H ngoại tình, không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi vợ chồng anh H chị X xảy ra mâu thuẫn các anh chị em trong gia đình đã hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, chung sống với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con trưởng thành nhưng không có kết quả. Anh H đã chuyển đi nơi khác không sinh sống cùng chị X kể từ tháng 9/2024 đến nay. Nay vợ chồng đã sống ly thân và anh H đề nghị ly nhưng chị X không đồng ý ly hôn mặc dù vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/11/2005, Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007, Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012. Cháu Nguyễn Thị Như Q đã trưởng thành anh H chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Anh Đ, Nguyễn Trần H1 đang sinh sống cùng với chị X cần chấp nhận yêu cầu của anh H, chị X; giao cháu Nguyễn Thị Anh Đ, Nguyễn Trần H1 cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị X đều không yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H .

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị X.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 04/11/2007, Nguyễn Trần H1, sinh ngày 17/11/2012 cho chị Trần Thị X nuôi dưỡng.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

1.2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005459 ngày 05/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (nay là thành phố B)

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị X vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND xã Yên Lư;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Hà